

PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-STC ngày /11/2025 của Sở Tài chính)

STT	Xã, phường	Vùng	Dân số (người)	Ghi chú
1	Phường Quy Nhơn	Vùng đô thị	128.735	
2	Phường Quy Nhơn Đông	Vùng đô thị	47.760	
3	Phường Quy Nhơn Tây	Vùng đô thị	24.862	
4	Phường Quy Nhơn Nam	Vùng đô thị	73.624	
5	Phường Quy Nhơn Bắc	Vùng đô thị	46.214	
6	Xã Nhơn Châu	Vùng đặc biệt khó khăn	2.360	
7	Phường Bình Định	Vùng đô thị	42.553	
8	Phường An Nhơn	Vùng đô thị	49.308	
9	Phường An Nhơn Đông	Vùng đô thị	26.488	
10	Xã An Nhơn Tây	Vùng còn lại	20.203	
11	Phường An Nhơn Nam	Vùng đô thị	31.719	
12	Phường An Nhơn Bắc	Vùng đô thị	38.348	
13	Phường Bồng Sơn	Vùng đô thị	41.355	
14	Phường Hoài Nhơn	Vùng đô thị	43.228	
15	Phường Tam Quan	Vùng đô thị	24.784	
16	Phường Hoài Nhơn Đông	Vùng đô thị	44.571	
17	Phường Hoài Nhơn Tây	Vùng đô thị	25.508	
18	Phường Hoài Nhơn Nam	Vùng đô thị	32.633	
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	Vùng đô thị	44.170	
20	Xã Phù Cát	Vùng còn lại	51.320	
21	Xã Xuân An	Vùng còn lại	30.398	
22	Xã Ngô Mỹ	Vùng còn lại	25.587	
23	Xã Cát tiên	Vùng còn lại	33.570	
24	Xã Đề Gi	Vùng còn lại	45.446	
25	Xã Hòa Hội	Vùng còn lại	26.118	
26	Xã Hội Sơn	Vùng còn lại	14.319	
27	Xã Phù Mỹ	Vùng còn lại	28.472	
28	Xã An Lương	Vùng còn lại	38.048	
29	Xã Bình Dương	Vùng còn lại	27.370	
30	Xã Phù Mỹ Đông	Vùng còn lại	43.395	
31	Xã Phù Mỹ Tây	Vùng còn lại	18.493	
32	Xã Phù Mỹ Nam	Vùng còn lại	27.068	
33	Xã Phù Mỹ Bắc	Vùng còn lại	28.647	
34	Xã Tuy Phước	Vùng còn lại	77.046	
35	Xã Tuy Phước Đông	Vùng còn lại	58.432	
36	Xã Tuy Phước Tây	Vùng còn lại	35.919	
37	Xã Tuy Phước Bắc	Vùng còn lại	49.397	
38	Xã Tây Sơn	Vùng còn lại	48.725	
39	Xã Bình Khê	Vùng còn lại	21.703	

STT	Xã, phường	Vùng	Dân số (người)	Ghi chú
40	Xã Bình Phú	Vùng còn lại	23.272	
41	Xã Bình Hiệp	Vùng còn lại	22.417	
42	Xã Bình An	Vùng còn lại	34.046	
43	Xã Hoài Ân	Vùng còn lại	34.985	
44	Xã Ân Tường	Vùng còn lại	18.538	
45	Xã Kim Sơn	Vùng còn lại	14.043	
46	Xã Vạn Đức	Vùng còn lại	21.604	
47	Xã Ân Hảo	Vùng còn lại	22.330	
48	Xã Vân Canh	Vùng còn lại	13.827	
49	Xã Canh Vinh	Vùng còn lại	16.829	
50	Xã Canh Liên	Vùng đặc biệt khó khăn	2.361	
51	Xã Vĩnh Thạnh	Vùng còn lại	10.045	
52	Xã Vĩnh Thịnh	Vùng còn lại	10.810	
53	Xã Vĩnh Quang	Vùng còn lại	8.994	
54	Xã Vĩnh Sơn	Vùng đặc biệt khó khăn	6.062	
55	Xã An Hòa	Vùng còn lại	14.420	
56	Xã An Lão	Vùng còn lại	10.677	
57	Xã An Vinh	Vùng còn lại	6.539	
58	Xã An Toàn	Vùng đặc biệt khó khăn	1.800	
59	Phường Pleiku	Vùng đô thị	75.240	
60	Phường Hội Phú	Vùng đô thị	44.137	
61	Phường Thống Nhất	Vùng đô thị	46.271	
62	Phường Diên Hồng	Vùng đô thị	59.221	
63	Phường An Phú	Vùng đô thị	39.503	
64	Xã Biển Hồ	Vùng còn lại	40.497	
65	Xã Gào	Vùng còn lại	15.214	
66	Xã Đak Đoa	Vùng còn lại	36.471	
67	Xã Kon Gang	Vùng còn lại	22.223	
68	Xã Ia Băng	Vùng đặc biệt khó khăn	30.826	
69	Xã KDang	Vùng còn lại	22.565	
70	Xã Đak Somei	Vùng đặc biệt khó khăn	14.288	
71	Xã Mang Yang	Vùng còn lại	28.917	
72	Xã Lơ Pang	Vùng đặc biệt khó khăn	17.628	
73	Xã Kon Chiêng	Vùng đặc biệt khó khăn	9.918	
74	Xã Hra	Vùng còn lại	14.217	
75	Xã Ayun	Vùng đặc biệt khó khăn	12.730	
76	Phường An Khê	Vùng đô thị	49.765	
77	Phường An Bình	Vùng đô thị	30.463	
78	Xã Cửu An	Vùng còn lại	19.828	
79	Xã Kbang	Vùng còn lại	24.818	
80	Xã Kông Bơ La	Vùng còn lại	17.379	
81	Xã Tơ Tung	Vùng còn lại	10.958	
82	Xã Krong	Vùng còn lại	6.018	

STT	Xã, phường	Vùng	Dân số (người)	Ghi chú
83	Xã Sơn Lang	Vùng còn lại	10.880	
84	Xã Đak Rong	Vùng đặc biệt khó khăn	6.278	
85	Xã Kông Chro	Vùng còn lại	20.561	
86	Xã Ya Ma	Vùng còn lại	8.838	
87	Xã Chư Krey	Vùng còn lại	9.486	
88	Xã SRó	Vùng đặc biệt khó khăn	8.256	
89	Xã Đăk Song	Vùng đặc biệt khó khăn	4.788	
90	Xã Chơ Long	Vùng đặc biệt khó khăn	7.757	
91	Xã Chư Sê	Vùng còn lại	67.933	
92	Xã Bờ Ngoong	Vùng còn lại	30.880	
93	Xã Ia Ko	Vùng còn lại	24.675	
94	Xã Al Bá	Vùng đặc biệt khó khăn	17.284	
95	Xã Chư Prông	Vùng còn lại	33.519	
96	Xã Bàu Cạn	Vùng còn lại	21.880	
97	Xã Ia Boòng	Vùng còn lại	18.642	
98	Xã Ia Lâu	Vùng còn lại	22.770	
99	Xã Ia Pia	Vùng còn lại	19.848	
100	Xã Ia Tôr	Vùng còn lại	17.170	
101	Xã Ia Púch	Vùng đặc biệt khó khăn	4.090	
102	Xã Ia Mơ	Vùng đặc biệt khó khăn	3.431	
103	Phường Ayun Pa	Vùng đô thị	26.444	
104	Xã Ia Rbol	Vùng còn lại	10.247	
105	Xã Ia Sao	Vùng còn lại	8.432	
106	Xã Phú Túc	Vùng còn lại	36.807	
107	Xã Ia Dreh	Vùng đặc biệt khó khăn	16.599	
108	Xã Ia Rsai	Vùng đặc biệt khó khăn	22.579	
109	Xã Uar	Vùng đặc biệt khó khăn	22.142	
110	Xã Đức Cơ	Vùng còn lại	22.901	
111	Xã Ia Dok	Vùng còn lại	17.710	
112	Xã Ia Krêl	Vùng đặc biệt khó khăn	22.838	
113	Xã Ia Pnôn	Vùng đặc biệt khó khăn	5.952	
114	Xã Ia Dom	Vùng đặc biệt khó khăn	8.978	
115	Xã Ia Nan	Vùng đặc biệt khó khăn	8.610	
116	Xã Ia Grai	Vùng còn lại	24.224	
117	Xã Ia Krái	Vùng còn lại	28.419	
118	Xã Ia Hrun	Vùng còn lại	36.667	
119	Xã Ia Chia	Vùng đặc biệt khó khăn	8.861	
120	Xã Ia O	Vùng đặc biệt khó khăn	11.079	
121	Xã Ia Ly	Vùng còn lại	13.647	
122	Xã Chư Păh	Vùng còn lại	19.096	
123	Xã Ia Khuol	Vùng còn lại	17.112	
124	Xã Ia Phí	Vùng còn lại	23.164	
125	Xã Pờ Tó	Vùng đặc biệt khó khăn	14.372	

STT	Xã, phường	Vùng	Dân số (người)	Ghi chú
126	Xã Ia Pa	Vùng còn lại	30.849	
127	Xã Ia Tul	Vùng đặc biệt khó khăn	20.265	
128	Xã Đak Pơ	Vùng còn lại	18.445	
129	Xã Ya Hội	Vùng đặc biệt khó khăn	8.701	
130	Xã Phú Thiện	Vùng còn lại	48.881	
131	Xã Chư A Thai	Vùng đặc biệt khó khăn	21.593	
132	Xã Ia Hiao	Vùng còn lại	21.135	
133	Xã Chư Pưh	Vùng còn lại	33.290	
134	Xã Ia Le	Vùng còn lại	24.257	
135	Xã Ia Hrú	Vùng còn lại	36.763	